

KHÁI QUÁT MỘT SỐ TÁC PHẨM BÁCH KHOA TOÀN THƯ DÙNG ĐỂ DẠY HỌC VÀO CUỐI THẾ KỈ XIX Ở VIỆT NAM

LÊ THANH HÀ*

Abstract: Among Vietnam's existing literary heritage, the corpus of textbooks used to teach Sino-Nom characters during the medieval period always occupies an extremely important position. Our research shows that when researchers refer to reference books for the Sino-Nom language, they tend to primarily focus on their function as dictionaries or Sino-Nom dictionaries, while paying little attention to their values as a distinct form of literature in Vietnam. In this article, we have initially drawn some conclusions as follows: (1) Sino-Nom literature can be regarded a form of encyclopedic work used for teaching during Vietnam's medieval period; (2) Some such encyclopedic works continued to be used for teaching in the late 19th century.

Keywords: *literature type, Sino-Nom literature type, Sino-Nom literature, 19th century, medieval Vietnam.*

Dẫn nhập: Mục đích của bài viết nhằm rút ra một số điều sau đây: (1) Loại thư Hán Nôm là một loại hình thư tịch tra cứu tổng hợp mang tính bách khoa toàn thư của thời kì trung đại. Trong đó các tác phẩm Loại thư Hán Nôm cũng chính là các tác phẩm bách khoa toàn thư dùng để dạy học ở nước ta nên cần được quan tâm nghiên cứu. (2) Bài viết cũng khái quát một số tác phẩm bách khoa toàn thư dùng để dạy học vào cuối thế kỉ XIX ở Việt Nam.

1. Loại thư Hán Nôm - loại hình Bách khoa toàn thư dạy học thời kì trung đại

Trước khi tìm hiểu các khái niệm Loại thư và Loại thư Hán Nôm của Việt Nam, bài viết sẽ khái quát về các dạng sách công cụ ngữ văn trong thư tịch truyền thống ở phương Đông, chủ yếu bao gồm các loại hình như sau:

Tự thư 字書, là những bộ sách công cụ lấy tự 字 (chữ) làm đơn vị sưu tập và giải thích ý nghĩa, chú ý về mặt hình dạng của chữ (tự hình) để phục vụ cho việc thống nhất cách viết chữ Hán. Các bộ tự thư chữ Hán nổi tiếng như: 史籀篇 *Sử Trữu thiên* do Thái sử Trữu đời Chu Tuyên Vương, soạn ra 15 thiên chữ Hán thể Đại Triện để dạy chữ, đây được coi là tác phẩm Tự thư đầu tiên của Trung Hoa. Tiếp đến là các bộ: 蒼頡篇 *Thương Hiệt thiên*, 急就篇 *Cấp tựu thiên*, và nổi bật nhất có 說文解字 *Thuyết văn giải tự* do Hứa Thận, biên soạn thu thập 9.353 tự và 1.163 văn theo thể chữ Tiểu Triện, xếp theo 540 bộ thủ. Đây là bộ sách đầu tiên phân tích tự hình và tự nguyên của chữ Hán. Bộ 字林 *Tự lâm* của Lữ Thâm, sách viết vào thời Tấn, thu thập 12.824 tự theo thể Lệ thư và Thảo thư, nhằm bổ sung cho những chữ còn thiếu sót của *Thuyết văn giải tự*. Bộ sách 玉篇 *Ngọc thiên* của Cố Dã Vương, sống thời nhà Lương biên soạn, thu thập 16.917 tự xếp theo 542 bộ, mỗi tự đều được chú rõ nghĩa kèm theo các dẫn chứng từ các kinh, truyện đời trước. 字樣 *Tự dạng* của Nhan Sư Cổ thời Đường biên soạn sách sưu tập cả chữ Triện, và chữ Lệ, sưu tầm của kiểu viết chữ Hán chính thể lẫn viết tục thể. Tác phẩm 干祿字書 *Can Lộc tự thư* của Nhan Nguyên Tôn soạn, sách dạy chữ Hán dùng trong khoa cử, thu thập cả chữ Hán chính tự, tục tự, thông tự. 字彙 *Tự vựng* do Mai Ứng Tộ thời Minh soạn, gồm 14 quyển, thu thập 33.179 chữ Hán, sắp theo 214 bộ thủ. 正字通 *Chính tự thông* do Trương Tự Liệt soạn vào cuối thời nhà Minh, thu thập 33.000 chữ Hán theo thể chữ Lệ, có tham khảo từ sách *Tự vựng*. 康熙字典 *Khang Hi tự điển* do vua Khang Hi nhà Thanh ra lệnh biên soạn, thu thập 47.035 chữ Hán. Ngoài ra có một số sách dạy chữ Hán ban đầu vỡ lòng cho trẻ em như: *Tam thiên tự*, *Ngũ thiên tự*, *Tam tự kinh*...

Vận thư 韻書, là các bộ tự điển ngữ âm xếp chữ theo vận (vần), quan tâm về vấn đề âm đọc của chữ Hán (tự âm), loại hình này thịnh hành vào thời Tùy, Đường, Tống, như: 切韻 *Thiết vận* do nhóm Lục Pháp Ngôn soạn năm 601, sưu tầm khoảng 12.000 chữ Hán sách dùng cách phiên thiết phân tích chữ Hán thành hai phần là thanh mẫu và vận mẫu để tìm âm đọc cho chữ, phân thành 193 vận; là một trong những bộ thư quan trọng nhất trong lịch sử vận thư chữ Hán. 唐韻 *Đường vận* do Tôn Diện

* Viện Ngôn ngữ học, Email: leh600951@gmail.com

soạn được hình thành trên cơ sở tăng bổ của *Thiết vận*. 廣韻 *Quảng vận* do nhóm Trần Bành Niên soạn gồm 5 quyển, thu thập hơn 26.000 chữ, với 206 vận.

Từ thư 辭書, là tên gọi chung cho các loại sách nhằm thu thập chữ Hán cũng như từ hoặc ngữ của Hán văn gồm các dạng như tự điển 字典, từ điển 辭典, trong đó bộ 爾雅 *Nhĩ nhĩ* còn gọi là *Nhĩ* ra đời vào đầu thời Tây Hán được coi là công trình Từ thư đầu tiên.

Loại thư 類書, dạng sách công cụ tra cứu được biên soạn với nội dung bao gồm tất cả các tri thức về thế giới tự nhiên và con người, nên giống với loại sách bách khoa toàn thư. Loại thư dựa vào việc sưu tập tổng hợp các tư liệu, và sắp xếp phân chia các tư liệu này theo môn loại hay một vài môn loại nhằm dễ kiểm tra, dễ tra cứu [2, tr.58]. Loại thư gồm cả loại tổng hợp nhiều môn loại và loại hình chuyên thư một môn loại, chuyên ngành lĩnh vực nhất định nào đó. Khởi đầu của Loại thư Trung Quốc là bộ *Hoàng lãm* 皇覽 được biên soạn ở thời Ngụy Văn Đế. Tiếp theo là các bộ Loại thư nổi tiếng khác như: 北唐書抄 *Bắc Đường thư sao*; 藝文類聚 *Nghệ văn loại tụ*; 初學記 *Sơ học kí*; 四庫全書 *Tứ khố toàn thư*, 古今圖書集成 *Cổ kim đồ thư tập thành*... Phương pháp trình bày của Loại thư có thể phân chia theo từng môn loại cũng có thể phân chia theo vần hay theo bộ của chữ. Tính cập nhật và tổng hợp tri thức nhiều mặt thể hiện trong Loại thư rõ ràng, đa dạng hơn so với các loại hình Tự điển, Tự thư, Từ thư khác. Loại hình này, được hình thành từ khá sớm trải qua nhiều thời kì đã phát triển phong phú về thể loại, đa dạng về nội dung, giữ vị trí quan trọng trong hệ thống thư tịch cổ điển). Không những vậy Loại thư còn mang những tính chất khác biệt cả so với các công trình tra cứu như Từ điển, Tự điển, Từ thư khác, lại có những đặc điểm riêng khác với bách khoa toàn thư của phương Tây. Loại thư không chỉ thúc đẩy sự phát triển của học thuật thời kì nó ra đời, mà cho đến tận ngày nay nó vẫn còn nhiều lợi ích trong việc hiệu đính, bổ sung các loại sách cổ, tìm kiếm sách bị thất tán, khảo cứu các tư liệu và sự kiện lịch sử.

Cũng giống như các thể tài thư tịch khác, Loại thư Trung Quốc cũng ảnh hưởng đến Việt Nam. Loại thư có nhiều dạng được biên soạn, từ Loại thư tổng hợp cỡ lớn, được coi như là tập đại thành văn hiến của triều đình, do đích thân vua ra lệnh và trực tiếp đôn đốc biên soạn, đến Loại thư tư nhân do các học giả biên soạn để sưu tầm thư tịch, tự nâng cao kiến thức; cho đến các sách Loại thư dạy chữ Hán, thì tất cả những hình thức biên soạn này đều ảnh hưởng đến Việt Nam, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của từng hình thức này lại khác nhau. Ở thể tài Loại thư dạy chữ học thời trung đại của nước ta, được gọi là Loại thư song ngữ Hán Nôm - là dạng sách công cụ, được biên soạn song ngữ bằng chữ Hán và chữ Nôm. Sự khác biệt giữa Loại thư so với tự điển hay từ điển Hán Nôm cơ bản ở chỗ: Các khái niệm truyền đạt tri thức trong Loại thư vượt ra khỏi phạm vi của thông tin ngôn ngữ. Tính chất của tự điển hay từ điển ngôn ngữ thì chỉ dùng để tra cứu tìm hiểu về chữ viết hoặc từ ngữ còn công trình bách khoa toàn thư lại dùng để tra cứu tìm hiểu về sự vật hiện tượng và được sắp xếp theo chủ đề, thành từng nhóm môn loại cùng nhau, nên các đầu mục từ trong hai loại này có phạm vi khác nhau, tập trung vào các tiêu điểm khác nhau, và thu thập dựa trên những căn cứ khác nhau. Ở thể tài này, có các tác phẩm tiêu biểu như: 指南玉音解義 *Chi Nam ngọc âm giải nghĩa*, 日用常談 *Nhật dụng thường đàm*, 南方名物備考 *Nam phương danh vật bị khảo*, 大南國語 *Đại Nam quốc ngữ*, 序類演義 *Tự loại diễn nghĩa*, 嗣德聖製字學解義歌 *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca*.

Thời kì trung đại, giáo dục khoa cử được coi trọng, việc học tập, thi cử ra làm quan đã trở thành mục đích xuyên suốt của người học. Bên cạnh trường Quốc học (dành cho con em các nhà vua, chúa, quyền quý), các trường tư nhân cũng được mở ra ở khắp các địa phương nhằm giúp cho các học trò gia đình bình dân cũng được học chữ Hán, văn hoá Hán ngay khi còn nhỏ tuổi. Để học chữ Hán, thì phải nắm vững chữ Hán, từ ngữ Hán, do đó các nhà Nho đồng thời cũng là các thầy dạy chữ Hán xưa đã biên tập, biên soạn các sách tra cứu, cách sách giải nghĩa từ ngữ Hán bằng chữ Nôm để phục vụ cho việc dạy học cho học trò thời xưa. Chữ Hán, hay Hán tự, Hán văn thuộc phạm trù của Hán học. Hán học Việt Nam thời trung đại về phương diện nhà nước là Hán học của Tổng Nho kết hợp với khoa cử từ chương. Học chữ Hán trước hết để tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ và tham gia khoa cử. Khoa cử từ chương là con đường tiến thân của kẻ sĩ. Khoa cử là lối học chính thống, chi phối lối học chữ Hán. Do Hán học chính thống là khoa cử từ chương mà khoa cử từ chương lại chỉ hướng vào các tri

thức kinh điển như các sách thuộc *Kinh, Sử, Tử, Tập* hay các sách giáo lí khác nói chung nên nó đã hạn chế vai trò của chữ Hán, chữ Nôm như là công cụ cho sự tiếp nhận và cập nhật tri thức văn hoá theo những đòi hỏi và nhu cầu thực tế của xã hội đương thời.

2. Một số tác phẩm bách khoa toàn thư dùng để dạy học vào cuối thế kỉ XIX ở nước ta

Loại sách dạy chữ Hán ở ta rất phong phú và được biên soạn với nhiều mục đích và tính chất khác nhau. Có loại đơn thuần chỉ là dạy viết chuẩn chính tả chữ Hán như: *Tự học cầu tinh ca*, có loại dùng dạy học từ ngữ Hán như: *Tự học huấn mộng*, có loại các danh mục từ được sắp xếp theo bộ thủ chữ Hán như: *Từ điển tiết lục*, lại có loại dạng tự điển song ngữ Hán Nôm dùng để dạy chữ Hán như: *Tam thiên tự giải âm*. Đặc biệt thể loại chiếm phần nhiều và quan trọng hơn cả là các bộ sách song ngữ Hán Nôm dùng để tra cứu về chữ và từ ngữ Hán. Từ trước đến nay, khi nghiên cứu đến các bộ sách này, các nhà nghiên cứu mới chỉ coi đây là thuộc dạng sách Từ điển, Tự điển chứ chưa xếp chúng vào thể tài như một dạng bách khoa toàn thư. Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra các tác phẩm được coi là bách khoa toàn thư dùng để dạy học vào cuối thế kỉ XIX ở nước ta, cụ thể như sau:

Sách *Nhật dụng thường đàm*, do Phạm Đình Hồ (1769-1839) biên soạn trong khoảng năm 1827. Đây là một bộ Loại thư dạy chữ Hán cỡ nhỏ, xếp theo 32 loại, như “Thiên văn, Luân tự, Nho giáo..., Du hí, Tật bệnh, Cầm thú, Trùng loại... [1, tr.5]”, với số từ ngữ tạm đủ để đọc biết những chữ thông thường dùng trong học tập và sinh hoạt hàng ngày. *Nhật dụng thường đàm* được xếp theo 32 môn loại, với 2.480 mục từ chữ Hán (bao gồm cả đơn âm tiết và đa âm tiết). Các từ ngữ mang đặc trưng cấu trúc bao hàm, trong đó bao gồm các môn loại, các môn loại lại bao gồm các mục từ, các môn loại, mục từ có liên hệ với nhau phục vụ cho yêu cầu học chữ. Mỗi môn loại có thể xem như một bài học dạy chữ Hán (32 bài học). Bài học có nhiều mục từ nhất là Thân thể với 336 mục từ. Mỗi bài học khoảng chừng 77 mục từ. Quan hệ giữa các bài học dạy chữ Hán - môn loại - mục từ về mặt số lượng như sau: Bài học có nhiều môn loại thì khả năng phân chia cao hơn, do đó số chữ trong một môn loại ít hơn. Lượng chữ cho một bài học cũng ít hơn. Điều này dẫn đến việc học một bài cũng dễ hơn. Tính phân tích về môn loại sẽ giúp cho lượng chữ trong một bài học phải đảm nhận sẽ giảm đi. Điều đó làm cho cuốn này với tư cách là sách dạy chữ Hán, có thể dễ dàng đáp ứng được khả năng tiếp nhận kiến thức của người học chữ. Số lần được in của nó cũng lớn nhất so với các bộ sách khác phần nào đã nói lên điều đó.

Bộ *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca*, sách gồm 13 quyển, do vua Tự Đức (1829-1883) biên soạn, được Tu thư cục thuộc Quốc Sử quán triều Nguyễn khắc in năm Thành Thái thứ 10 (1898). Đây cũng là một Loại thư song ngữ Hán Nôm, các từ ngữ được chia làm 7 loại: “Kham dư (trời đất, quyển 1 và 2), Nhân sự (con người, quyển 3, 4 và 5), Chính hoá (chính trị giáo hoá, quyển 6, 7), Khí dụng (đồ dùng, quyển 8, 9), Thảo mộc (cỏ cây, quyển 10, 11), Cầm thú (chim muông, quyển 12), Trùng ngư (côn trùng của cá, quyển 13)” [4, tr.17]. Sách chứa đựng nhiều chữ khó hoặc ít dùng, lại được khắc in rõ ràng, nên có ưu điểm góp phần xác định lối viết chữ Nôm, và có thể coi là một tài liệu quý để nghiên cứu về chữ Nôm trong khoảng cuối thế kỉ XIX. *Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca* gồm 9.032 mục từ (có 2 mục lặp lại) với 7 môn loại. Mỗi môn loại lại chia thành thượng và hạ (riêng môn loại Cầm thú và Trùng ngư không chia thượng - hạ, môn loại Nhân sự có 3 phần: thượng, trung và hạ. Cấu trúc bài học chữ Hán ở đây cũng mang tính cấu trúc bao hàm. Nếu xem mỗi môn loại là một bài học thì đây có thể xem như 7 bài học. Số bài học trong đó ít, số chữ trong mỗi bài học nhiều. Bài học ít mục từ nhất là Trùng ngư với 546 mục. Bài học có nhiều mục từ nhất là Nhân sự với 2162 mục, bình quân mỗi bài học trong bộ sách là 1.290 mục. Điều này cho thấy tính tổng hợp xét về môn loại thể hiện khá cao đã dẫn đến sự phân tích tính trong lượng chữ từng môn loại. Do vậy khó có thể nhớ được hơn 1.000 chữ Hán trong một bài học được, dẫn đến khó cho việc dùng Tự Đức vào việc học chữ, người soạn đã xếp mục từ theo môn loại nhưng lại theo vần lục bát cho dễ đọc, dễ nhớ. Đó cũng là điểm khác biệt của bộ sách này so với sách cùng loại.

Sách *Đại Nam quốc ngữ*, của Nguyễn Văn San (1808-1883) biên soạn trong thế kỉ XIX. Bản in theo ván khắc của nhà in Văn Sơn Đường năm Thành Thái Kỷ Hợi (1899). Sách này gồm 170 trang, chia làm 50 môn loại, như: “Thiên văn môn, Địa lý môn, Nhân luân, Thân thể..., Tang tế, Tang lễ, Tục ngữ, Bách hoa, Bách quả, Bách thảo, Bách mộc...” mục “Nghĩa lệ” trong sách đề năm Tự Đức thứ 33 (1880), có đoạn nêu rõ: “Tiếng nói của các nước khác nhau... Nước ta từ đời Sĩ Nhiếp đã lấy tiếng phương Bắc mà dịch ta tiếng ta, trong đó tên các vật có nhiều tên chưa rõ, như “thư cưu” không biết ta

gọi là chim gì, “duong đào” chẳng biết ta gọi là cây gì. Các chữ như vậy rất nhiều. Sách này đem các từ ngữ chua bằng quốc âm, may ra có thể đủ để tra cứu, còn những chữ dễ thì không cần thiết phải chua”[3, tr.10]. *Đại Nam quốc ngữ* gồm có 4.790 mục từ được xây dựng theo cấu trúc bao hàm, cấu trúc mẹ con, trong đó bảng từ gồm các môn loại. Mỗi môn loại trong bộ sách này là một bài học. Bài học nhiều mục từ nhất có 331 mục là bài học về thân thể (Thân thể môn), bài học ít mục từ nhất có 22 mục là bài học về các chất thuộc kim loại. Đa phần các bài học có trên dưới 50 mục từ và trên dưới 100 mục từ, bình quân mỗi bài có 95 mục từ. Tính sự phạm của bộ sách trong việc dạy chữ Hán nếu nhìn từ góc độ sách học chữ Hán thể hiện cao hơn. So với các sách trước, cùng dạng Loại thư Hán Nôm thì *Đại Nam quốc ngữ* được biên soạn sau nên số từ ngữ nhiều hơn, còn về cách giải nghĩa bằng chữ Nôm cũng có phần rõ ràng, chính xác hơn.

Tập sách *Nam phương danh vật bị khảo*, 2 quyển, do Đặng Xuân Bảng (1828-1910) biên soạn, được khắc in năm Nhâm Dần, niên hiệu Thành Thái (1902). Sách gồm 33 môn loại, 4.767 mục từ, theo cấu trúc bao hàm, cấu trúc mẹ con, trong đó bảng từ gồm các môn loại, các môn loại lại bao gồm các mục từ thành phần được xem như 33 bài học. Bài học nhiều nhất có 358 mục từ là bài học về đồ dùng, bài học ít nhất có 23 mục từ là bài học về loài động vật có mai. Soạn giả đã tham khảo nhiều sách của Trung Quốc và nước ta, bổ sung thêm nhiều từ ngữ do bản thân sưu tầm ghi chép được. Nội dung xếp theo 33 môn, như: “Thiên văn, Địa lý, Nông tang, Ngư liệp, Xảo nghệ, Ngũ cốc... Có ghi âm Hán Việt cho những chữ khó đọc, rồi ghi nghĩa chữ Nôm; nếu có từ đồng nghĩa thì cũng ghi thêm. Sách chú ý nhiều đến tên gọi các sản vật của Việt Nam, cho biết sản vật ở đâu có, để làm gì..., nên ngoài ý nghĩa đối chiếu Hán Việt thông thường, còn có thể coi đây là một tập hợp có giá trị độc đáo về danh từ động - thực vật học, giúp đọc hiểu và dịch được một số từ ngữ lạ liên quan đến danh vật thời trước” [5, tr.117]. Đặc biệt trong tập *Nam phương danh vật bị khảo* phần tiểu dẫn sách có đoạn đề cập đến các bộ sách của Trung Quốc và Việt Nam là nguồn tham khảo để biên soạn sách.

Trong số các bộ Loại thư dạy học Hán Nôm kể trên, ta thấy *Nhật dụng thường đàm* là sách được biên soạn sớm nhất và bộ được khắc in muộn nhất là *Nam phương danh vật bị khảo*. Bộ sách được khắc in nhiều nhất trong nhiều năm liên tục là *Nhật dụng thường đàm*. Bộ sách quyền uy nhất được khắc in là *Tự Đức tự học giải nghĩa ca* do chính vua Tự Đức tổ chức biên soạn, đây cũng là bộ sách có số lượng từ ngữ chữ Hán lớn nhất, việc in ấn bộ sách này đã giúp việc học và dạy chữ Hán được đầy mạnh, đồng thời cũng có nhiều ý nghĩa trong việc khẳng định vị thế của chữ Nôm đối với chữ Hán khi được vương triều phong kiến chính thức sử dụng.

Các bộ Loại thư Hán Nôm này dùng cả khái niệm “bộ”, “môn” hay “loại” để chia nhóm, phân loại các mục từ về mặt ý nghĩa. *Tự Đức tự học giải nghĩa ca* dùng khái niệm “loại” để thay cho “bộ”, “môn”, bộ sách này có số lượng chữ Hán nhiều nhất nhưng lại chỉ chia thành 7 loại, như vậy tác phẩm này không đi chi tiết trong việc chia nhóm từ ngữ. *Đại Nam quốc ngữ* là bộ Loại thư được phân chia tỉ mỉ nhất về việc sắp xếp nhóm với 50 môn và bộ, ngoài việc phân thành nhóm theo ý nghĩa của từ ngữ chữ Hán, sách còn có cách phân nhóm theo 3 bộ thủ chữ Hán là: bộ Thủy, bộ Hoả, bộ Thổ để xếp nhóm các chữ Hán có cùng trường nghĩa. Bộ sách Loại thư Hán Nôm không chỉ là Loại thư ngôn ngữ dùng để dạy học mà nó còn là những tác phẩm tổng hợp cập nhật những tri thức truyền thống của đất nước bằng ngôn ngữ và chữ viết Hán Nôm. Mỗi tác phẩm Loại thư này lại mang những đặc điểm riêng biệt độc đáo như:

Nhật dụng thường đàm, được biên soạn theo định hướng “thường thức hoá” tri thức Hán học. Bộ sách sưu tập những đơn vị mục từ chữ Hán có tính thường nhật. Tác phẩm đã nhật dụng hoá tri thức Hán học vốn hàn lâm, rộng lớn thành tri thức phổ biến dễ hiểu, dễ nhớ, quen thuộc với đời sống người Việt. Chú trọng bổ sung, cập nhật tiếp thu những tri thức văn hoá truyền thống riêng có của Việt Nam, về văn hoá Việt Nam. Còn sách *Nam phương danh vật bị khảo*, được biên soạn theo định hướng phổ biến cái học “bách khoa hoá”: Nội dung bài tựa và các môn loại, mục từ mà bộ sách chuyển tải thể hiện mong muốn giải thích, tìm hiểu đến ngọn nguồn sự vật mà cái học từ chương không đề cập; những điều khuyết thiếu của sách vở đời trước mà đến thời điểm sách ra đời cũng được cập nhật, hay sản vật nước ta có mà Hán văn không ghi được soạn giả tiếp tục bổ sung hợp lí. Hoặc tác phẩm *Đại Nam quốc ngữ*, thì được biên soạn theo định hướng phổ biến cái học “bình dân hoá” phi khoa cử. Trong sự phân chia môn loại của sách không có các mục về Nho giáo, về Nho học, Văn chương. Điều này cho thấy,

soạn giả đã nhận ra chữ Hán không chỉ để cho khoa cử mà còn cho sự mở mang các tri thức ngoài khoa cử, mà chú trọng đến các tri thức tự nhiên và xã hội khác có liên quan.

Thời kì trung đại cũng là thời kì ra đời các tác phẩm Loại thư Hán Nôm, đây cũng là giai đoạn mà văn ngôn chữ Hán là văn tự quan phương được sử dụng trong các văn bản chính thức của quốc gia, Hán văn là phương tiện chủ yếu cho mọi sự truyền tải và cập nhật tri thức từ cộng đồng hẹp như gia đình dòng tộc, họ mạc, xóm thôn đến quy mô lớn như quốc gia dân tộc. Tầng số người biết chữ Hán như là một nhu cầu tự nhiên trong xã hội và học thuật. Phổ cập Hán học là yêu cầu cấp bách cho dù những kiến thức cần được phổ cập ấy đương nhiên bị giới hạn bởi nền học vấn đương thời, mọi triết lí tư tưởng đều dựa trên hệ thống phân loại thiên - địa - nhân, nền học vấn này được gọi là học vấn “tam tài”. Đó là những đặc điểm của những bộ sách tra cứu theo dạng bách khoa toàn thư song ngữ Hán Nôm.

3. Kết luận

Việc biên soạn các sách dạy học đã có truyền thống từ rất lâu đời, điều này gắn liền với việc thu thập và chú giải chữ Hán, từ ngữ Hán trong các văn bản cổ. Ở phương diện Loại thư Hán Nôm cũng chính là các công trình bách khoa toàn thư dạy học thời kì trung đại nước ta đã có các tác phẩm tiêu biểu sau: ...*Nhật dụng thường đàm, Nam phương danh vật bị khảo, Đại Nam quốc ngữ, Tự loại điển nghĩa, Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca...*

Các bộ sách này được biên soạn liên tục trong khoảng cuối thế kỉ XIX ở nước ta. Trong bối cảnh xã hội - ngôn ngữ Việt Nam thời điểm đó, Hán học là chủ đạo, chữ Hán, Hán văn là phương tiện chủ yếu cho việc truyền tải và cập nhật tri thức từ cộng đồng hẹp như gia đình dòng tộc, họ mạc, xóm thôn đến cả quốc gia xã hội. Tầng số người biết chữ Hán như là một nhu cầu tự nhiên. Phổ cập kiến thức là yêu cầu cấp bách cho dù những kiến thức cần được phổ cập ấy bị giới hạn bởi nền học vấn đương thời, "cái học khoa cử" vào cuối thời kì trung đại. Đó là những yêu cầu xã hội cho sự ra đời của những bộ sách dạy học được sắp xếp và tổ chức theo dạng Loại thư Hán Nôm. Có thể khẳng định Loại thư Hán Nôm chính là những công trình bách khoa toàn thư dùng để dạy học vào thời kì trung đại của Việt Nam, đã đóng góp vào truyền thống biên soạn các sách công cụ tra cứu của nước ta. Bên cạnh đó, sự xuất hiện của các bộ Loại thư Hán Nôm đã thể hiện sự tiến bộ và đổi mới của bậc thức giả Việt Nam trong việc phổ cập chữ Hán, chữ Nôm nhằm cập nhật, mở mang tri thức Hán học lẫn các tri thức truyền thống của nước nhà. Các công trình này là phương tiện cho sự mở mang văn hoá, khắc phục những hạn chế hiểu biết của lối học khoa cử, từ chương và cho thấy chữ Nôm ngày càng được hệ thống hoá hơn và được sử dụng hiệu quả, phổ biến hơn trong học thuật đương thời. Các học giả Việt Nam truyền thống đã cố gắng thông qua việc biên soạn các bộ sách có tính bách khoa thư nhằm góp phần mở mang nhận thức qua chữ Hán, chữ Nôm.

Loại thư Hán Nôm được biên soạn dựa trên cơ sở văn hoá truyền thống, từ nội dung đến hình thức đều tập trung thể hiện tinh túy của văn hiến cổ truyền, đã phản ánh thế giới quan của ông cha ta trong suốt chiều dài lịch sử. Việc truyền bá văn hoá cổ truyền Việt Nam được thể hiện ở việc các soạn giả đã cố gắng sử dụng chữ Nôm để giải nghĩa cho chữ Hán. Chữ Nôm là kiểu chữ dùng âm đọc tiếng Việt đương thời được sử dụng nhiều hơn để bổ sung và làm sáng tỏ ý nghĩa Hán học, chữ Nôm được coi là cây cầu chuyển ngữ giữa tri thức Hán học và tri thức truyền thống của người Việt. Các bộ sách Loại thư Hán Nôm cũng cho thấy Chữ Nôm là một trong những nhân tố chủ yếu cho sự mở rộng nhận thức và mức độ phổ biến của tri thức ngay cả khi những kiến thức ấy thuộc phạm trù Hán học. Thực tế cho thấy, các bộ sách này đều được khắc ván với số lượng lớn, có những quyển được khắc in lại nhiều lần đã cho thấy sự phổ biến và tác động học thuật to lớn mà các công trình này mang lại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Trọng Dương. *Khảo cứu từ điển song ngữ Hán Việt: Nhật dụng thường đàm của Phạm Đình Hổ*. NXB Văn học, Hà Nội. 2016.
2. Lê Thanh Hà. “*Khái quát về Loại thư của Trung Quốc*”, Từ điển học & Bách khoa thư, số 3 (41), tr 58-62. 2016.
3. Lê Minh Hằng. *Khảo cứu từ điển song ngữ Hán Việt: Đại Nam quốc ngữ*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2013.
4. Phạm Văn Khoái, Hà Đăng Việt. “*Tự Đức thánh chế tự học giải nghĩa ca - Từ điển song ngữ Hán Nôm thánh chế theo môn loại có tính bách khoa thư*”. *Hán Nôm*, số 1 (116), tr 17-28. 2013.
5. Hà Đăng Việt. *Loại thư song ngữ Hán - Nôm: sự bù đắp tri thức cho Hán học Việt Nam thế kỉ XIX, Khoa học*, số 6. Đại học Sư phạm Hà Nội, tr.115 - 126. 2012.